
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	03 - 04
3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	05
4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	06
5. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	07 - 27

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 7 năm 2020. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 173.132.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong 9 tháng đầu năm 2021 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất và các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Vui	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

4. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/9/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

4. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.700.597.096	100.618.279.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.612.716.450	11.885.532.811
1. Tiền	111		9.612.716.450	11.885.532.811
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.759.558.318	10.728.225.540
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.027.758.443	6.477.165.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.121.945.679	4.120.769.353
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	635.657.532	130.290.676
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.803.336)	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	83.186.789.142	62.082.354.282
1. Hàng tồn kho	141		83.186.789.142	62.082.354.282
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.141.533.186	922.167.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	181.373.051	515.836.250
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		937.160.135	386.330.882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	23.000.000	20.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.075.822.148	113.131.198.039
I. Tài sản cố định	220		79.891.649.032	83.825.367.257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.667.569.522	34.852.555.580
- Nguyên giá	222		48.173.089.353	48.404.730.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.505.519.831)	(13.552.174.866)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	48.224.079.510	48.972.811.677
- Nguyên giá	228		49.724.804.626	49.724.804.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.500.725.116)	(751.992.949)
IV Tài sản dài hạn khác	260		27.184.173.116	29.305.830.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	8.992.515.226	9.709.416.991
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		439.980.562	230.947.615
3. Lợi thế thương mại	269	V.9	17.751.677.328	19.365.466.176
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.776.419.244	213.749.477.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.608.149.735	23.582.184.344
I. Nợ ngắn hạn	310		34.408.149.735	23.582.184.344
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	2.765.985.662	2.144.339.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	416.545.559	516.929.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	2.322.564.962	2.375.135.181
4. Phải trả người lao động	314		153.540.658	311.680.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	7.290.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	24.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	77.169.500	223.682.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	28.672.343.394	17.978.582.987
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000	0
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	200.000.000	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.168.269.509	190.167.293.460
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	188.168.269.509	190.167.293.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.132.000.000	173.132.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.132.000.000	173.132.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.713.249.944	12.778.049.438
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.778.049.438	964.020.467
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.935.200.506	11.814.028.971
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.323.019.565	4.257.244.022
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222.776.419.244	213.749.477.804

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Minh Diệu

Trần Thị Vui

Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75.352.503.813	79.570.467.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	75.352.503.813	79.570.467.652
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	58.170.465.674	62.948.720.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.182.038.139	16.621.747.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	581.357.814	10.162.444
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.304.620.497	1.562.938.759
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.304.523.347	1.485.932.434
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.401.308.848	3.268.540.330
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	5.260.623.838	4.440.960.121
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		7.796.842.770	7.359.470.489
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.182.301	15.244
13. Chi phí khác	32	VI.8	19.079.735	106.945
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(15.897.434)	(91.701)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.780.945.336	7.359.378.788
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.989.002.234	1.446.203.203
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(209.032.947)	(189.959.735)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.000.976.049	6.103.135.320
Cổ đông của Công ty mẹ	61		5.935.200.506	5.972.505.066
Cổ đông không kiểm soát	62		65.775.543	130.630.254
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	343	345
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	343	345

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Dụ

Trần Thị Vui

Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.780.945.336	7.359.511.973
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	5.376.724.402	4.948.291.912
- Các khoản dự phòng	03		25.803.336	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.704.599)	(67)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(553.373.394)	266.985.876
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.304.523.347	1.485.932.434
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.905.918.428	14.060.722.128
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		2.136.534.634	13.367.011.154
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(21.104.434.860)	(4.051.670.024)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		630.841.059	(4.995.206.407)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.051.364.964	303.226.789
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.304.523.347)	(1.485.932.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.709.193.986)	(1.730.375.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.393.493.108)	15.467.775.388
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		0	(1.091.563.835)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.424.099.999	900.000.000
2. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.816.341	1.712.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.426.916.340	(189.851.461)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		121.535.786.580	81.448.903.360
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.842.026.173)	(91.411.880.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.693.760.407	(15.962.977.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(2.272.816.361)	(685.053.104)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.885.532.811	10.810.046.938
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.612.716.450	10.124.993.834

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Minh Dịu



Trần Thị Vui



Đào Thị Kim Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 7 năm 2020. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 173.132.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong 9 tháng đầu năm 2021 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất và các sản phẩm từ plastics.

3. Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1 Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Kỳ Sơn, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 374 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

6.2 Tổng số các Công ty con.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Vật tư Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.	95%

6.3 Danh sách các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Không có.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat và các Công ty con ("Công ty") cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Nhựa Picomat theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Nhựa Picomat.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5- 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; chi phí phần mềm, công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp ...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, doanh thu của Công ty chủ yếu liên quan đến các mặt hàng như tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa. Bên cạnh đó, hơn 90% doanh thu của Công ty tập trung ở trụ sở chính tại Hà Nội. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2021	01/01/2021
Tiền	9.612.716.450	11.885.532.811
Tiền mặt	7.750.034.603	3.370.358.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.862.681.847	8.515.174.416
Cộng	9.612.716.450	11.885.532.811

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	0	15.000.000.000	0
Cộng	15.000.000.000	0	15.000.000.000	0

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng

Số hợp đồng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại 30/09/2021
01/2020/HĐTG/NHNoHH-PICOMAT	16/11/2020	18/11/2021	4,90%	10.000.000.000
02/2020/HĐTG/NHNoHH-PICOMAT	23/11/2020	26/11/2021	4,90%	5.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	4.027.758.443	(25.803.336)	6.477.165.511	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	159.200.000	0	0	0
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đồng Hàn	478.202.931	0	450.983.449	0
Công ty TNHH Vật tư Dịu Hiền	418.397.653	0	152.798.034	0
Công ty TNHH Phụ gia Nhựa Ecoplas	500.000.000	0	1.187.965.100	0
Đỗ Mạnh Tú	1.663.726.275	0	2.916.226.274	0
Khách hàng khác	808.231.584	(25.803.336)	1.769.192.654	0
Cộng	4.027.758.443	(25.803.336)	6.477.165.511	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Đỗ Mạnh Tú	1.663.726.275	0	2.916.226.274	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	159.200.000		0	
Cộng	1.822.926.275	0	2.916.226.274	0

4. Trả trước cho người bán

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.121.945.679	0	4.120.769.353	0
CÔNG TY TNHH BK	0	0	449.565.435	0
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	0	0	1.424.354.470	0
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Đức	1.896.179.848	0	2.022.839.448	0
Các đối tượng khác	225.765.831		224.010.000	0
Cộng	2.121.945.679	0	4.120.769.353	0

5. Phải thu khác

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	635.657.532	0	130.290.676	0
Lãi dự thu	635.657.532	0	85.917.808	0
Phải thu khác	0	0	44.372.868	0
Cộng	635.657.532	0	130.290.676	0

6. Hàng tồn kho

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	0	0	1.170.940.325	0
Nguyên liệu, vật liệu	25.885.831.954	0	20.396.934.030	0
Công cụ, dụng cụ	595.314.571	0	33.483.690	0
Chi phí SX, KD dở dang	0	0	209.037.996	0
Thành phẩm	17.547.560.214	0	10.129.368.038	0
Hàng hoá	23.635.163.284	0	7.570.674.911	0
Hàng gửi bán	15.522.919.119	0	22.571.915.292	0
Cộng	83.186.789.142	0	62.082.354.282	0

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

7. Tài sản cố định hữu hình		Tài sản cố định hữu hình			Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng	
Khoản mục		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng			
Nguyên giá								
Số dư tại 01/01/2021		5.660.225.077	35.857.616.507	1.611.425.818	953.953.566	4.321.509.478	48.404.730.446	
Mua trong kỳ		0	0	0	0	0	0	
Thanh lý, nhượng bán			0	0	0	(231.641.093)	(231.641.093)	
Số dư tại 30/9/2021		5.660.225.077	35.857.616.507	1.611.425.818	953.953.566	4.089.868.385	48.173.089.353	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư tại 01/01/2021		34.996.014	11.408.407.852	1.013.782.554	212.101.770	882.886.676	13.552.174.866	
Khấu hao trong kỳ		141.505.623	2.215.878.078	160.096.616	87.113.232	409.609.838	3.014.203.387	
Thanh lý, nhượng bán						(60.858.422)	(60.858.422)	
Số dư tại 30/9/2021		176.501.637	13.624.285.930	1.173.879.170	299.215.002	1.231.638.092	16.505.519.831	
Giá trị còn lại								
Số dư tại 01/01/2020		5.625.229.063	24.449.208.655	597.643.264	741.851.796	3.438.622.802	34.852.555.580	
Số dư tại 30/9/2021		5.483.723.440	22.233.330.577	437.546.648	654.738.564	2.858.230.293	31.667.569.522	

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.335.666.693 đồng.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2021	49.724.804.626	49.724.804.626
Tăng do góp vốn	0	0
Số dư tại 30/9/2021	49.724.804.626	49.724.804.626
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2021	751.992.949	751.992.949
Khấu hao trong kỳ	748.732.167	748.732.167
Số dư tại 30/9/2021	1.500.725.116	1.500.725.116
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2021	48.972.811.677	48.972.811.677
Số dư tại 30/9/2021	48.224.079.510	48.224.079.510

(*) Quyền sử dụng đất tại 30/9/2021 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quyền sử dụng đất này dùng để cầm cố thế chấp các khoản vay tại 30/09/2021.
- Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 8A + 8B , lô G5 thuộc khu A , khu nhà ở Anh Dũng IV , phường Anh Dũng , quận Dương Kinh , thành phố Hải Phòng.

9. Lợi thế thương mại

	9 tháng đầu năm 2021	9 tháng đầu năm 2020
Tại ngày đầu kỳ (*)	19.365.466.176	21.517.184.640
Phân bổ trong kỳ	(1.613.788.848)	(1.613.788.848)
Tại ngày cuối kỳ	17.751.677.328	19.903.395.792

(*) Tại ngày 20/12/2019, Công ty nhận chuyển nhượng 95% cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng từ các cổ đông, tổng giá trị đầu tư là 98.800.000.000 đồng, trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng. Giao dịch từ ngày 20/12/2019 đến 31/12/2019 là không đáng kể. Do vậy, Công ty áp dụng lần đầu lập báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 31/12/2019 để xác định giá trị hợp lý tại ngày mua.

Công ty đang xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả theo giá trị ghi sổ để xác định trị tài sản thuần, lợi thế thương mại trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất lần đầu tại ngày 31/12/2019. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong vòng 10 năm, số phải phân bổ cho kỳ 9 tháng đầu năm 2021 là 1.613.788.848 đồng.

10. Chi phí trả trước

	30/09/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	181.373.051	515.836.250
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	87.400.410	464.604.409
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	93.972.641	51.231.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước (tiếp theo)

b. Dài hạn	8.992.515.226	9.709.416.991
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	335.788.770	741.414.394
Quyền sử dụng mặt bằng (*)	8.514.449.988	8.687.821.146
Chi phí khác	142.276.468	280.181.451
Cộng	9.173.888.277	10.225.253.241

(*) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội - là tài sản ông Đỗ Mạnh Tú dùng để thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua tại Công ty với thời hạn sử dụng mặt bằng còn lại là 451 tháng.

11. Phải trả người bán

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.765.985.662	2.765.985.662	2.144.339.480	2.144.339.480
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	2.215.505.530	2.215.505.530	0	0
Zibo Huaxing Additives Co., LTD	0	0	1.260.724.350	1.260.724.350
OKU CO.,LTD	0	0	789.229.908	789.229.908
Phải trả cho các đối tượng khác	550.480.132	550.480.132	94.385.222	94.385.222
Cộng	2.765.985.662	2.765.985.662	2.144.339.480	2.144.339.480

12. Người mua trả tiền trước

	30/09/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	416.545.559	516.929.241
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Linh Mơ	0	53.256.500
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và TM Đại Hưng Phát	99.814.000	0
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Thành Mịch	0	185.367.465
Các đối tượng khác	316.731.559	278.305.276
Cộng	416.545.559	516.929.241

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp tăng trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2021
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	665.941.195	1.648.599.412	1.980.997.879	333.562.728
Thuế xuất nhập khẩu	0	27.088.540	27.088.540	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	400.000.000	400.000.000	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.709.193.986	1.989.002.234	1.709.193.986	1.989.002.234
Cộng	2.375.135.181	4.064.690.186	4.117.280.405	2.322.564.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**b. Phải thu**

Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	20.000.000	0	0	20.000.000
Thuế môn bài	0	13.000.000	16.000.000	3.000.000
Cộng	20.000.000	13.000.000	16.000.000	23.000.000

14. Phải trả khác

	30/09/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	77.169.500	223.682.000
Kinh phí công đoàn	37.133.000	5.682.000
Bảo hiểm xã hội	29.240.000	0
Bảo hiểm y tế	8.457.300	0
Bảo hiểm thất nghiệp	2.339.200	0
Nhận đặt cọc	0	218.000.000
b. Dài hạn	200.000.000	0
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	0
Cộng	277.169.500	223.682.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021		Trong kỳ		30/9/2021
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn	17.978.582.987	17.978.582.987	121.535.786.580	110.842.026.173	28.672.343.394
Vay ngân hàng	17.978.582.987	17.978.582.987	121.535.786.580	110.842.026.173	28.672.343.394
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội (i)	8.680.744.858	8.680.744.858	50.201.765.141	49.924.124.129	8.958.385.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội (ii)	9.297.838.129	9.297.838.129	71.334.021.439	60.917.902.044	19.713.957.524
Cộng	17.978.582.987	17.978.582.987	121.535.786.580	110.842.026.173	28.672.343.394

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/3838347/HĐTD ngày 30/8/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vạn Phúc Hà Nội với Công ty. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng cụ thể. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất của Công ty đối với thửa đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND Thành phố Hạ Long cấp ngày 09/5/2018. Số dư tại 30/9/2021 là 8.958.385.870 đồng.

(ii) Thuyết minh chi tiết các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vạn Phúc, Hà Nội

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại ngày 30/9/2021	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng hạn mức số 01/2021/569567/HĐTD ngày 25/06/2021	12 tháng	Theo từng KUNN	30.000.000.000	19.713.957.524	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Máy sản xuất tấm nhựa, Máy dán cánh model AKRON 1440-A, Máy đùn nhựa model SJSZ80/156, Máy đùn nhựa 120619, Hệ thống sản xuất tấm nhựa 030719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	141.670.000.000	6.833.144.757	4.067.516.598	152.570.661.355
Tăng vốn	31.462.000.000	0	0	31.462.000.000
Lợi nhuận	0	5.972.505.066	130.630.254	6.103.135.320
Chi trả cổ tức	0	(6.000.000.000)		(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/09/2020	173.132.000.000	6.805.649.823	4.198.146.852	184.135.796.675
Số dư tại ngày 01/01/2021	173.132.000.000	12.778.049.438	4.257.244.022	190.167.293.460
Lợi nhuận	0	5.935.200.506	65.775.543	6.000.976.049
Chi trả cổ tức (i)	0	(8.000.000.000)	0	(8.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/9/2021	173.132.000.000	10.713.249.944	4.323.019.565	188.168.269.509

(i) Trong kỳ, Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2021 số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/01/2021 với số tiền là 8.000.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Trong kỳ, Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2021 với số tiền là 8.000.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Số cổ tức Công ty chi trả bằng tiền gửi ngân hàng trong kỳ là 7.600.000.000 (đã khấu trừ 5% thuế TNCN).

a. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn góp của chủ sở hữu	173.132.000.000	173.132.000.000
Vốn góp đầu kỳ	173.132.000.000	141.670.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	0	31.462.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	173.132.000.000	173.132.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.000.000.000	6.000.000.000

b. Cổ phiếu

	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.313.200	17.313.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.313.200	17.313.200
Cổ phiếu phổ thông	17.313.200	17.313.200
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.313.200	17.313.200
Cổ phiếu phổ thông	17.313.200	17.313.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	74.654.096.517	79.570.467.652
Doanh thu cung cấp dịch vụ	698.407.296	-
Cộng	75.352.503.813	79.570.467.652

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm	74.654.096.517	79.570.467.652
Doanh thu cung cấp dịch vụ	698.407.296	0
Cộng	75.352.503.813	79.570.467.652

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	58.170.465.674	62.948.720.397
Cộng	58.170.465.674	62.948.720.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.339.669	2.113.219
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	549.739.724	0
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.039.823	8.049.158
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	238.598	67
Cộng	581.357.814	10.162.444

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.304.523.347	1.485.932.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá	97.150	77.006.325
Cộng	1.304.620.497	1.562.938.759

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.365.603.915	1.328.302.268
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	227.201.924	212.956.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.207.319.372	953.388.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.841.251	520.205.629
Các khoản chi phí bán hàng khác	31.342.386	253.688.102
Cộng	3.401.308.848	3.268.540.330
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.633.843.830	1.164.408.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	383.818.091	356.395.145
Chi phí khấu hao TSCĐ	435.825.893	261.324.659
Thuế, phí, lệ phí	68.037.569	56.732.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.224.787	346.652.258
Chi phí bằng tiền khác	874.281.484	641.657.896
Dự phòng phải thu khó đòi	25.803.336	0
Phân bổ lợi thế thương mại	1.613.788.848	1.613.788.848
Cộng	5.260.623.838	4.440.960.121

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	3.182.301	15.244
Cộng	3.182.301	15.244

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	19.079.735	106.945
Cộng	19.079.735	106.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.589.799.668	65.513.347.153
Chi phí nhân công	4.169.327.252	3.980.467.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.762.132.026	3.340.887.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.325.816.502	2.738.856.489
Chi phí khác bằng tiền	2.102.638.023	2.337.697.818
Phân bổ lợi thế thương mại	1.613.788.848	1.613.788.848
Cộng	95.563.502.319	79.525.046.027

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.780.945.336	7.359.378.788
2. Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	0	0
3. Thu nhập tính thuế	9.945.011.171	10.330.022.885
Thuế suất	20%	20%
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.989.002.234	2.066.004.576
5. Khoản thuế được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 (Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2020)	0	619.801.373
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.989.002.234	1.446.203.203

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.935.200.506	5.972.505.066
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.935.200.506	5.972.505.066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.313.200	17.313.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	343	345

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.935.200.506	5.972.505.066
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	5.935.200.506	5.972.505.066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.313.200	17.313.200
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	17.313.200	17.313.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	343	345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	121.535.786.580	81.448.903.360

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	110.842.026.173	91.411.880.391

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Mối quan hệ	30/09/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.822.926.275	2.916.226.274
Ông Đỗ Mạnh Tú	Bố của Chủ tịch hội đồng quản trị	1.663.726.275	2.916.226.274
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLAND	Cùng Chủ tịch hội đồng quản trị	159.200.000	-

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Minh Dịu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Vui

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh